

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2022

V/v tranh chấp thừa kế, hợp đồng  
tặng cho quyền sử dụng đất, tuyên  
bố văn bản công chứng vô hiệu.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ché Linh

*Các Thẩm phán:*

Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 13 đến ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp thừa kế, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2021/DSST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc L; cư trú tại: Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh H; cư trú tại: Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của ông Võ Thanh H:* Ông Nguyễn Văn B; cư trú tại: Phường N, quận B, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Võ Ngọc X; cư trú tại: Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của bà Võ Ngọc X:* Ông Nguyễn Văn B; cư trú tại: Phường N, quận B, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022).

2. Bà Võ Ngọc O; cư trú tại: Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Võ Ngọc T; cư trú tại: Khu vực Qui Thạnh 2, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Võ Ngọc H1; cư trú tại: Ấp Thạnh Phước 2, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Văn phòng công chứng P.

Địa chỉ: Khu vực Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng P:* Ông Cao Thanh H2; cư trú tại: Xã A, huyện Đ, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021).

- *Người kháng cáo: Ông Võ Thanh H là bị đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Ngọc L trình bày:*

Vợ chồng ông Võ Văn L1 (chết ngày 30/12/1984) và bà Lê Thị C (chết ngày 21/4/2019) chung sống với nhau có 06 người con gồm: Bà Võ Ngọc L, bà Võ Ngọc X, bà Võ Ngọc T, bà Võ Ngọc H1, bà Võ Ngọc O, ông Võ Thanh H. Tài sản chung của ông L1, bà C gồm: Tổng diện tích đất 1.725m<sup>2</sup> (trong đó thửa 503 là 1.393m<sup>2</sup>, thửa 500 là 332m<sup>2</sup>), loại đất CLN, tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000190 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 25/2/1998 cho hộ bà Lê Thị C, đất tọa lạc ấp Lân Thạnh 1, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ), nguồn gốc đất do cha ông L1 để lại; Căn nhà cấp 4 trên thửa đất 503 và cùng các vật dụng trong nhà.

Vào năm 1998, bà C chuyển nhượng cho bà một phần diện tích đất 586m<sup>2</sup> (trong đó thửa 503 diện tích 490m<sup>2</sup>, thửa 500 diện tích 96m<sup>2</sup>) và bà đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000367 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 15/01/1999. Do vậy phần diện tích đất tại thửa 503, 500 còn lại là 1.139m<sup>2</sup>.

Vào ngày 12/4/2012, bà C lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho bà gồm: Thửa đất số 503+500, căn nhà trên đất và toàn bộ đồ đạc trong nhà. Tờ di chúc được công chứng tại Văn phòng công chứng T (nay là Văn phòng công chứng P) theo số công chứng 1006, quyền số 02/2012/TP/CC-SCC/HĐGD. Riêng ông L1 trước khi chết không để lại di chúc.

Qua nhiều lần thay đổi yêu cầu nguyên đơn bà L yêu cầu được chia phần đất tại thửa 500, diện tích 241,9m<sup>2</sup>; thửa 503, diện tích 1.010,2m<sup>2</sup> theo Bản trích đo địa chính số 121/TTKTTNMT ngày 08/10/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường thành phố Cần Thơ căn cứ theo tờ di chúc ngày 12/4/2012. Trường hợp chia theo pháp luật thì bà yêu cầu chia làm 03 phần, bà hưởng 01 phần và ông H hưởng 02 phần.

Đối với tài sản trên đất thì bà chỉ yêu cầu được chia toàn bộ căn nhà trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2020. Những tài sản còn lại bà không yêu cầu giải quyết, về cây trồng trên đất thì người nào được chia đất, hưởng luôn phần cây trồng. Hiện nay toàn bộ tài sản do ông H, bà X đang quản lý, sử dụng nhưng bị đơn không đồng ý chia cho bà nên bà phát sinh tranh chấp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà không đồng ý. Vì cha mẹ không có nói cho ông H phần tài sản nêu trên. Về công chăm lo, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi cao, sức yếu có Huy, bà X phụng dưỡng và bà cũng có công chăm sóc.

*\* Bị đơn là ông Võ Thanh H trình bày:*

Ông thống nhất ông L1, bà C có 06 người con và thửa đất 503, 500 cùng tài sản trên đất là tài sản của vợ chồng bà C như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu công nhận toàn bộ phần nhà đất tại thửa 500, 503 vì cha mẹ khi còn sống nói cho ông phần nhà đất đang tranh chấp (chỉ bằng lời nói). Đối với tờ di chúc do bà L cung cấp ông không đồng ý và yêu cầu hủy, vì khi lập di chúc ông không biết và thời điểm lập di chúc bà C đã 81 tuổi. Về việc ông chăm lo, phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi cao, sức yếu và công sức gìn giữ di sản thì ông không có yêu cầu. Đối với diện tích đất 586m<sup>2</sup> bà L được bà C cho vào năm 1998, ông không có ý kiến.

*\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Ngọc H1, bà Võ Ngọc X, bà Võ Ngọc O, bà Võ Ngọc T thống nhất trình bày:*

Các bà thống nhất với nguyên đơn về di sản tại thửa 503, 500 và quan hệ thừa kế. Các bà thống nhất với lời trình bày của ông H rằng phần tài sản tranh chấp được cha mẹ nói cho ông H nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà L các bà không đồng ý, các bà không biết gì về tờ di chúc do bà L cung cấp. Ngoài ra, bà X xác định bà đang sống với ông H trên phần đất tranh chấp nhưng bà không có yêu cầu gì và đồng ý để ông H quản lý phần đất tranh chấp và tài sản trên đất. Trường hợp chia theo pháp luật thì các bà đồng ý nhường phần di sản được chia cho bị đơn. Ngoài ra, bà Thúy do bị bệnh nên yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng P:*

Về trình tự, thủ tục thực hiện văn bản công chứng số 1006, quyền số 02/2012/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 12/4/2012 thì Văn phòng công chứng thực hiện đúng quy định pháp luật và theo sự nhận biết của công chứng viên thì tại thời điểm công chứng bà C có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định pháp luật. Đối với nội dung di chúc ghi nhận phần tài sản là các thửa 503 và 500, tờ bản đồ số 05, diện tích 1725 m<sup>2</sup> (CLN) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số vào sổ 000190/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (nay là quận Thốt Nốt) cấp ngày 25/02/1998 thì về phần này do người yêu cầu công chứng cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 mà không cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thay đổi năm 1999, do vậy trong trường hợp này nội dung di chúc là không phù hợp do tài sản không còn. Ngoài ra, Văn phòng Công chứng có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp theo quy định. Hội đồng thẩm định xác định phần đất tranh chấp thửa đất 500, có diện tích 241,9m<sup>2</sup>; thửa đất 503, có diện tích 1.010,2m<sup>2</sup> và trên đất có các vật kiến trúc sau: Nhà ở có kết cấu: khung cột bê tông cốt thép, vách gạch xây, mái tole, nền gạch men, có trần, có diện tích 5,7 x 13,7 = 78,09m<sup>2</sup>; 02 ngô mộ kiên cố có ốp đá Ranit; Cây trồng trên đất: Xoài (loại A: 05 cây, loại C: 12 cây), Dừa (loại A: 07 cây, loại D: 16 cây), Mít (loại A: 02 cây; loại B: 04 cây), 01 cây Bần đường kính 60cm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà L thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu được chia diện tích 417m<sup>2</sup>, vị trí từ ranh đất của bà (thửa 1080, 1079) qua phần đất tranh chấp và lấy chạy dài từ thửa đất 503 đến thửa 500, còn ông H được hưởng phần diện tích đất 835,1m<sup>2</sup> còn lại kể cả trường hợp tờ di chúc được công nhận hay chia theo pháp luật, vì ông H phần nào có công gìn giữ di sản. Đối với tài sản trên đất bà chỉ yêu cầu được chia căn nhà trên thửa 503. Về cây trồng trên đất thì người nào được chia đất, hưởng luôn phần cây trồng và tự thỏa thuận giải quyết, trường hợp có tranh chấp khởi kiện thành vụ án khác. Ngoài ra, bà xác định không còn chung sống với bà C từ năm 2010. Bà không có yêu cầu gì đối với Văn phòng công chứng P. Riêng bị đơn ông H và những người liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến. Ngoài ra, đối với tài sản khác như cây trồng trên đất ông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 92/2021/DSST ngày 07 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xác nhận di sản thừa kế của ông Võ Văn L1 (chết ngày 30/12/1984) và bà Lê Thị C (chết ngày 21/4/2019) gồm: Diện tích đất qua đo đạc là 1.252,1m<sup>2</sup> (thửa 503 là 1.010,2m<sup>2</sup>, thửa 500 là 241,9m<sup>2</sup>), loại đất CLN, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000190 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) ngày 15/01/1999 cho hộ bà Lê Thị C, tọa lạc đất tọa lạc ấp L, xã Nt, huyện T, tỉnh Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ) có trị giá là 197.831.800 đồng; Căn nhà trên thửa đất 503 có trị giá là 139.000.200 đồng. Tổng cộng nhà đất có trị giá 336.832.000đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Võ Văn L1 là năm 1984, thời điểm mở thừa kế của bà Lê Thị C là năm 2019. Công nhận một phần đối với di chúc của bà Lê Thị C lập ngày 12/4/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Ngọc X giao phần di sản của ông Võ Văn L1 cho ông Võ Thanh H.

Chia di sản như sau:

- Chia cho bà Võ Ngọc L diện tích 417m<sup>2</sup> (trị giá 65.886.000 đồng), loại đất CLN, thuộc một phần thửa 503 và 500, tọa lạc tại Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Chia cho ông Võ Thanh H diện tích đất 835,1m<sup>2</sup> (trị giá 131.945.800 đồng), loại đất CLN, thuộc một phần thửa 503 và 500, tọa lạc tại Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ và căn nhà trên thửa đất 503. Ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Ngọc L số tiền 69.500.100 đồng (giá trị ½ căn nhà).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 121/TTKTTNMT ngày 08/10/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản vẽ do Hội đồng xét xử thống nhất khi nghị án ngày 07/12/2021 (Đính kèm).

Đương sự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với cây trồng trên đất tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có đương sự yêu cầu.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn bà Võ Ngọc L phải chịu số tiền 2.613.000đ (Hai triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng); ông Võ Thanh H phải chịu số tiền 3.887.000đ (Ba triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Công nhận bà Võ Ngọc L đã tạm ứng số tiền là 6.500.000 đồng, nên bị đơn ông Võ Thanh H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Võ Ngọc L số tiền là 3.887.000đ (Ba triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Đối với số tiền bà L phải chịu, công nhận bà L đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Ông H phải chịu án phí là 10.072.295đ (Mười triệu không trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004109 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, như vậy bị đơn còn phải nộp

thêm số tiền 9.472.295đ (chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21 tháng 12 năm 2021, bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã không đánh giá khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét lúc lập di chúc, bà C có đủ minh mẫn, sáng suốt và có bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hay không. Do vậy, bị đơn kháng cáo đề nghị tuyên bố vô hiệu di chúc của bà Lê Thị C lập ngày 12/4/2012 tại Văn phòng công chứng T. Công nhận toàn bộ nhà đất có diện tích 1.252,1m<sup>2</sup> tại thửa số 500, 503 thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, mặc dù Tòa cấp sơ thẩm xác định thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của ông L1 không đúng nhưng việc chia cho nguyên đơn diện tích 417m<sup>2</sup> là đã có lợi cho ông H. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp về thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại các khoản 3, 5, 11 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn cho rằng diện tích đất tại thửa 500 và 503, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000190 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 15/01/1999 cho hộ bà Lê Thị C đã được bà C, ông L1 tặng cho nhưng đến nay không có tài liệu chứng minh. Lời khai của những người thừa kế còn lại cũng không đủ cơ sở để xác định sự kiện tặng cho nêu trên. Do vậy, ông Võ Thanh H kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích đất tại thửa 500 và 503 đã nêu thuộc quyền sử dụng của ông là không có căn cứ.

[3] Bị đơn cho rằng Tờ di chúc được công chứng tại Văn phòng Công chứng T (nay là Văn phòng công chứng P) là vô hiệu do bà C đã lớn tuổi. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện không có tài liệu nào chứng minh điều này. Văn bản công chứng số 1006, quyển số 02/2012/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 12/4/2012 đã được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 5, 36, 37, 48 của Luật Công chứng năm 2006 và di chúc được lập phù hợp với quy định tại các Điều 647, 648, 650, 652

của Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn cũng không phủ nhận chữ ký và chữ viết của bà C trong di chúc. Mặt khác, đây là tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông L1, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã hết thời hiệu là chưa chính xác. Bởi lẽ, kể từ ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: *thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990*. Do vậy, tính tới thời điểm khởi kiện, phần tố trong vụ án này thì thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của ông L1 vẫn còn. Tuy nhiên, trừ bà L, ông H thì các đồng thừa kế khác đã xác định phần di sản của mình được hưởng sẽ nhường cho ông H. Dầu vậy, phần di sản được hưởng của nguyên đơn, bị đơn cần xem xét tại mục [5] sau đây.

[5] Về nội dung, di chúc do bà C đã định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 500 và 503 cho bà L là không hợp pháp một phần. Bởi lẽ, một nửa tài sản đó là của ông L1 (chết, không để lại di chúc) nên bà C chỉ được quyền định đoạt tài sản của mình theo quy định tại Điều 609 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, sau khi ông L1 chết thì bà C sẽ có quyền định đoạt 8/14 tài sản (tương đương  $1.252,1\text{m}^2 \times 8/14 = 715.485\text{m}^2$ ) theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Điều 643 của Bộ luật dân sự thì phần di chúc về phần di sản thuộc quyền của bà C vẫn có hiệu lực. Do vậy, việc bà L chỉ yêu cầu được chia  $417\text{m}^2$  tại Tòa án cấp sơ thẩm là có lợi cho bị đơn vì diện tích đó sẽ nhỏ hơn diện tích đáng lẽ bà L được hưởng theo di chúc, chưa kể một kỷ phần bà L được hưởng theo pháp luật đối với di sản của ông L1. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia di sản là đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định di sản thừa kế của ông Võ Văn L1 và bà Lê Thị C gồm: Diện tích đất qua đo đạc là 1.252,1m<sup>2</sup> (thửa 503 là 1.010,2m<sup>2</sup>, thửa 500 là 241,9m<sup>2</sup>), loại đất CLN, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000190 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 15/01/1999 cho hộ bà Lê Thị C, đất tọa lạc tại ấp Tân Thạnh 1, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ) và căn nhà trên thửa đất 503 nêu trên.

Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Võ Văn L1 là ngày 10/9/1990, thời điểm mở thừa kế của bà Lê Thị C là ngày 21/4/2019. Công nhận một phần đối với di chúc của bà Lê Thị C lập ngày 12/4/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Ngọc X giao phần di sản của ông Võ Văn L1 cho ông Võ Thanh H.

Chia di sản như sau:

- Chia cho bà Võ Ngọc L diện tích 417m<sup>2</sup>, loại đất CLN, thuộc một phần thửa 503 và 500 (bao gồm 317m<sup>2</sup> tại thửa 503 và 100m<sup>2</sup> tại thửa 500), tọa lạc tại Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Chia cho ông Võ Thanh H diện tích đất 835,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN, thuộc một phần thửa 503 và 500 (phần còn lại sau khi giao cho bà L như trên), đất tọa lạc tại Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ và căn nhà trên thửa đất 503. Ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Ngọc L số tiền 69.500.100 đồng (giá trị ½ căn nhà).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 121/TTKTTNMT ngày 08/10/2020 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản vẽ do Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất khi nghị án ngày 07/12/2021 (Đính kèm).

Đương sự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với cây trồng trên đất tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có đương sự yêu cầu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy Tờ di chúc ngày 12/4/2012 và yêu cầu công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 500 và thửa số 503, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

vào sổ 000190 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 15/01/1999 cho hộ bà Lê Thị C, đất tọa lạc tại ấp L, xã N, huyện N, tỉnh Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ).

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Ông Võ Thanh H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Võ Ngọc L số tiền là 3.887.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Ông H phải chịu 10.072.295 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí (600.000 đồng) theo biên lai thu tiền số 0004109 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bị đơn còn phải nộp thêm số tiền 9.472.295 đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí (300.000 đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004133 ngày 21/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, coi như bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Thốt Nốt;
- THADS quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chế Linh**